KHUNG HỖ TRỢ DỰ ÁN EU-MUTRAP

	Mục tiêu hoạt động	Chỉ số đánh giá khách quan các kết quả đạt được	Nguồn và phương pháp đánh giá	Giả định và rủi ro
Mục tiêu tổng quát	Hỗ trợ Việt Nam hội nhập sâu hơn vào hệ thống thương mại toàn cầu, ASEAN và tiểu khu vực, tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và EU, tối đa hóa lợi ích của sự phát triển kinh tế, bao gồm tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo	• Tiếp tục tăng cường thương mại, mở cửa thị trường, và luồng đầu tư vào trong nước (đặc biệt là trong quan hệ với EU) • Tăng GDP trên đầu người kết hợp với xóa đói giảm nghèo trong số dân cư lao động theo như kế hoạch của Kế hoạch phát triển Kinh tế Xã hội 2011-2015 • Tăng cường sự tham gia vào các Hiệp định thương mại quốc tế được giới hạn bởi các quy định và pháp luật đã được thông qua	• Thống kê thương mại • Chỉ số xu hướng thương mại và xuất khẩu • Thống kê FDI • Thống kê GDP • Thống kê lao động • Các cam kết thương mại quốc tế đã ký kết và thực thi	• Vẫn tồn tại thâm hụt thương mại • Cam kết chính trị để mở cửa thị trường vẫn được duy trì • Cải thiện điều kiện lao động, an sinh xã hội

	Mục tiêu hoạt động	Chỉ số đánh giá khách quan các kết quả đạt được	Nguồn và phương pháp đánh giá	Giả định và rủi ro
Mục tiêu cụ thể	Hỗ trợ Bộ Công Thương (BCT) trong thuận lợi hóa thương mại quốc tế và đầu tư thông qua việc tăng cường năng lực hoạch định chính sách, tham vấn chính sách, đàm phán và thực thi các cam kết liên quan, đặc biệt là trong quan hệ với EU	• Nâng cao năng lực của BCT phù hợp với Tuyên bố Nòng cốt Hà Nội và kế hoạch HDR của Tuyên bố này • Tăng cường tính thường xuyên và chất lượng cơ chế tham vấn • Đàm phán và thực thi các hiệp định thương mại ưu đãi định hướng xuất khẩu (ít nhất là 2) phù hợp với Kế hoạch Hành động Hậu WTO và Kế hoạch giai đoạn 2011-2015, cải thiện chất lượng các văn bản luật về thương mại và đầu tư, các quy định và dịch vụ hỗ trợ • Tăng cường nhận thức về cơ hội tiếp cận thị trường trong giới doanh nghiệp và các tổ chức liên quan	• Khảo sát chuyên viên BCT • Báo cáo và đánh giá Dự án • Thỏa thuận và thực thi các cam kết thương mại quốc tế • Khảo sát định tính các văn bản pháp luật về thương mại và đầu tư, các quy định và dịch vụ hỗ trợ • Khảo sát doanh nghiệp • Thống kê thương mại và FDI • Các hoạt động M&E căn cứ theo các hạng mục trong Tuyên bố Nòng cốt Hà Nội	• Tiếp tục hỗ trợ chính sách cho BCT trong vai trò điều phối chính sách thương mại • Sự sẵn sàng của BCT và Chính phủ để theo đuổi tự do hóa thị trường, minh bạch hóa luật pháp, tăng cường tham vấn với các bộ ban ngành liên quan, khu vực tư nhân và toàn xã hội • Tăng trưởng trong hệ thống thương mại quốc tế dựa trên việc tiếp tục mở cửa thị trường, ổn định kinh tế vĩ mô, không có các cú shock về kinh tế, tài chính, khủng hoảng năng lượng, bệnh truyền nhiễm và các sự kiện không mong đợi khác ở châu Á / châu Âu và trên toàn thế giới

	Mục tiêu hoạt động	Chỉ số đánh giá khách quan các kết quả đạt được	Nguồn và phương pháp đánh giá	Giả định và rủi ro
Kết quả Dự án	**1. Tăng cường quan hệ thương mại, đầu tư giữa EU và Việt Nam thông qua đối thoại và hợp tác, đàm phán và thực thi một hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam và EU trong tương lai.** Các hoạt động bao gồm: - Tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức, nghiên cứu xây dựng chính sách, phân tích sự khác biệt và chiến lược chính sách về những vấn đề liên quan đến các FTA "thế hệ mới" (new generation FTA issues) (như chính sách cạnh tranh, mua sắm chính phủ, cơ chế kinh tế thị trường, doanh nghiệp nhà nước, đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), thuận lợi hóa thương mại, quy tắc xuất xứ, phát triển bền vững, các công cụ phòng vệ thương mại và hợp tác phát triển), cùng với việc hỗ trợ điều phối chính sách thương mại; - Hỗ trợ Bộ Công Thương trong đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật trong xây dựng phương án đàm phán mang tính "tấn công" hợp lý và chiến lược tiếp cận thị trường cho một số ngành chủ đạo, bao gồm việc tổ chức tham vấn ngành trước khi đàm phán, công bố thông tin và phân tích tác động sau khi ký kết hiệp định cho một số ngành và lĩnh vực chính; - Đối với các vấn đề về vệ sinh dịch tễ (SPS) và rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT), nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn chung của EU và tiêu chuẩn quốc tế (quy định kỹ thuật) cho các nhóm sản phẩm cụ thể và dành hỗ trợ nhất định giúp doanh nghiệp đáp	- Ký kết FTA giữa Việt Nam và EU vào năm 2015, đồng thời thực thi các cam kết của Hiệp định - Hỗ trợ đối thoại, nâng cao năng lực và hiểu biết cho các cán bộ Chính phủ, nhà nghiên cứu, hiệp hội doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến FTA "thế hệ mới" và các vấn đề liên quan đến FTA khác - Doanh nghiệp Việt Nam sẽ đáp ứng tốt hơn các yêu cầu tiếp cận thị trường (VD: SPS, TBT, REACH, RoHS, FLEGT, IUU, ROO…) - Tăng cường thương mại và đầu tư từ EU vào Việt Nam trong một số lĩnh vực nhất định, phù hợp với FTA sắp tới hoặc phù hợp với mục tiêu thương mại và đầu tư mục IV của PCA - Cơ chế tham vấn và công bố thông tin hiệu quả để cung cấp cho các bên liên quan thông tin về FTA và làm thế nào để tối đa hóa lợi ích của	• Khảo sát chuyên viên BCT • Khảo sát doanh nghiệp • Thống kê thương mại và đầu tư • Các báo cáo của các hiệp hội thương mại và cơ quan truyền thông địa phương về hoạt động của MUTRAP và quan hệ thương mại EU-Việt Nam • Hoàn thiện bản thảo "WTO cộng" trong FTA Việt Nam – EU • Báo cáo từ cá nguồn công và tư nhân của Việt Nam và EU về tiến trình đàm phán và thực thi FTA	• Theo mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể • Sự ổn định của cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm liên quan đến FTA • Điều phối tốt giữa các cơ quan liên quan • Sự sẵn sàng của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp và các đơn vị trung gian khác trong việc khai thác các cơ hội của tự do hóa thị trường và tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư song phương

	Mục tiêu hoạt động	Chỉ số đánh giá khách quan các kết quả đạt được	Nguồn và phương pháp đánh giá	Giả định và rủi ro
	ứng các tiêu chuẩn này; - Hỗ trợ Bộ Công Thương (và Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế) thông qua các chương trình đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật nhằm thực thi các cam kết FTA và quản lý các điều chỉnh chính sách liên quan (bao gồm luật pháp, quy định và nâng cao năng lực thể chế); - Tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức, xuất bản các ấn phẩm, tổ chức đào tạo cho doanh nghiệp Việt Nam (bao gồm doanh nghiệp vừa và nhỏ), hiệp hội doanh nghiệp, các cơ quan kiểm định và các cơ quan hoạch định chính sách về các yêu cầu tiếp cận thị trường châu Âu về các vấn đề như SPS, TBT, REACH, RoHS, FLEGT, IUU, ROO…; - Xây dựng một website về FTA Việt Nam – EU, tập trung vào các vấn đề chính trong tiếp cận thị trường (ưu đãi thương mại, quy định pháp lý) và các vấn đề liên quan khác vì lợi ích của các ngành kinh tế và người tiêu dùng; - Xây dựng điểm hỗ trợ xuất khẩu thuộc Bộ Công Thương tương tự như điểm hỗ trợ xuất khẩu của EU nhằm hỗ trợ thương mại hai chiều; - Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và đối thoại kinh doanh Việt Nam – EU (trong một số lĩnh vực như thương mại và đầu tư vào công nghệ xanh của EU).	FTA giữa Việt Nam và EU	• Thực thi các cam kết và các văn bản luật và quy định mới • Báo cáo kết quả và hoạt động của dự án	

	Mục tiêu hoạt động	Chỉ số đánh giá khách quan các kết quả đạt được	Nguồn và phương pháp đánh giá	Giả định và rủi ro
Kết quả Dự án	**2. Nâng cao năng lực thể chế trong đàm phán và thực thi các cam kết thương mại đa phương, khu vực và tiểu khu vực** Các hoạt động bao gồm: - Hỗ trợ thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Bộ Công Thương và công tác dự báo, giám sát và đánh giá nhu cầu nhân lực tương lai; - Các hoạt động liên quan đến việc thực thi các cam kết WTO hiện tại, đàm phán và thực thi các cam kết mới gắn với Vòng Đô Ha và các Vòng đàm phán tương lai; - Hỗ trợ chuẩn bị và thực hiện công tác Rà soát Chính sách Thương mại của Việt Nam trong WTO (trong năm 2007/2018) và công tác liên quan đến Rà soát các Hiệp định/ Chính sách Thương mại trong khuôn khổ các FTA; - Hỗ trợ kỹ thuật nhằm thực hiện các biện pháp chủ yếu theo yêu cầu của Biểu đánh giá thực hiện Cộng đồng Kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community Scorecard), thực hiện và đàm phán cam kết theo các hiệp định khu vực ASEAN và điều phối các cam kết thương mại tiểu khu vực; - Các biện pháp nhằm cải thiện tính minh bạch và thủ tục thông báo, bao gồm việc xây dựng Điểm Lưu chiểu Thương mại Quốc gia (National Trade Repository - NTP) theo quy định của Điều 13 Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA); - Hỗ trợ thực thi, áp dụng Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng của Việt Nam phù hợp với	- Thực hiện kế hoạch nâng cao năng lực BCT và cải thiện năng lực M&E - Giới thiệu cơ chế mới về điều phối chính sách thương mại, quy chế thương mại và tạo thuận lợi hóa thương mại trong BCT (và với các cơ quan liên quan và cộng đồng doanh nghiệp) vào năm 2015 - Hỗ trợ thực thi cam kết WTO - Hỗ trợ thực thi cam kết thương mại khu vực, tiểu khu vực, và tham gia tích cực vào ASEAN như được đo lường bằng Biểu đánh giá AEC - Chỉ định các hàng rào "sau cửa khẩu" bao gồm các vấn đề điều chỉnh thị trường	• Đánh giá các báo cáo về kế hoạch phát triển năng lực của BCT • Khảo sát chuyên viên BCT và Chính phủ • Khảo sát doanh nghiệp • Kết quả của WTO TPR 2018 • Báo cáo Biểu đánh giá ASEAN • Thực thi cam kết, và các quy định, luật pháp mới • Thống kê thương mại và đầu tư • Báo cáo của hiệp hội doanh nghiệp, cơ quan truyền thông, và từ các nguồn công và tư khác về các vấn đề thương mại đa	• Theo mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể • Cam kết toàn cầu để kết thúc Vòng Đô Ha và cam kết của các quốc gia thành viên ASEAN để hiện thực hóa AEC • Sự ổn định của cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm liên quan đến WTO và ASEAN • Điều phối tốt giữa các cơ quan liên quan • Sự sẵn sàng của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp và các đơn vị trung gian khác trong việc khai thác các cơ hội của tự do hóa thị trường và tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư song phương

	Mục tiêu hoạt động	Chỉ số đánh giá khách quan các kết quả đạt được	Nguồn và phương pháp đánh giá	Giả định và rủi ro
	các cam kết quốc tế; - Hỗ trợ phát triển dịch vụ, thông qua việc xây dựng Chương trình hành động thực hiện Chiến lược toàn diện 2020 và các hoạt động liên quan; - Nâng cao năng lực cho cán bộ Chính phủ và các hiệp hội doanh nghiệp trong giải quyết tranh chấp và áp dụng các công cụ phòng vệ thương mại; - Tăng cường cơ chế tham vấn giữa các cơ quan Chính phủ, giữa các quan Chính phủ với doanh nghiệp, các nhà khoa học và các tổ chức xã hội dân sự về các vấn đề thương mại và đầu tư gắn kết với chính sách đối nội; - Hỗ trợ thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế và phân bổ lợi ích từ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế một cách đồng đều, nhất là tới các khu vực còn nhiều khó khăn và dễ bị tác động; - Nâng cao năng lực điều phối giữa Bộ Công Thương và các cơ quan hữu quan trong quá trình dự báo và phân tích kinh tế vĩ mô, cụ thể là các vấn đề công nghiệp và thương mại nhằm tránh các tác động tiêu cực và tạo thuận lợi cho việc thực hiện có hiệu quả các cam kết kinh tế quốc tế.		phương • Giải quyết tranh chấp thương mại và áp dụng các công cụ phòng vệ thương mại • Báo cáo kết quả và hoạt động của Dự án	

	Mục tiêu hoạt động	Chỉ số đánh giá khách quan các kết quả đạt được	Nguồn và phương pháp đánh giá	Giả định và rủi ro
Kết quả Dự án	**3. Cải thiện khuôn khổ chính sách về đầu tư, tập trung vào các vấn đề xã hội và môi trường trong các chính sách và pháp luật liên quan đến thương mại và đầu tư.** Các hoạt động bao gồm: - Đánh giá các tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam, đặc biệt là liên quan tới các luật và quy định về bảo vệ môi trường và xã hội, và nêu ra các đề xuất điều chỉnh cần thiết (hợp tác với các bộ ban ngành liên quan); - Hỗ trợ nghiên cứu về lao động, các vấn đề về giới và nhập cư liên quan đến đầu tư; - Nghiên cứu, đánh giá các vấn đề môi trường trong một số ngành chủ đạo (xi măng, thép, giấy, logistics, dịch vụ phân phối,...), và các biện pháp tạo ra môi trường thuận lợi phát triển các quy trình và công nghệ thân thiện với môi trường (bao gồm các biện pháp khuyến khích, EMS và ISO 14000); - Xây dựng tiêu chuẩn về môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả trong một số ngành (gồm các ngành nội địa), như một phần trong Chương trình hành động của Bộ Công Thương nhằm đối phó với biến đổi khí hậu và hỗ trợ triển khai Chương trình hành động này; - Nâng cao nhận thức, đào tạo về các biện pháp giảm nhẹ khí thải nhà kính và sử dụng công nghệ xanh, cacbon thấp; - Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo nhằm cải thiện hệ thống đánh giá về môi trường và xã hội đối với các dự án đầu tư công nghiệp; - Rà soát quy trình cấp phép FDI hiện hành, hỗ	- Cải thiện khuôn khổ chính sách đầu tư ngành cho ít nhất 3 ngành - Ban hành các hướng dẫn mới về đầu tư liên quan đến môi trường và xã hội - Xây dựng tiêu chuẩn môi trường và sử dụng hiệu quả nhiên liệu trong một số ngành quan trọng (gồm thị trường nội địa), như một phần trong Chương trình hành động của Bộ Công Thương nhằm đối phó với biến đổi khí hậu - Tư vấn cho BCT về xây dựng kế hoạch và bảo vệ môi trường trong một số lĩnh vực công nghiệp quan trọng bao gồm áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác hại - Cải thiện các quy định đầu tư về mặt tiêu chuẩn môi trường và xã hội - Hỗ trợ nghiên cứu và xây dựng chính sách về tiêu chuẩn lao động, điều kiện làm việc công bằng, không phân biệt đối xử	• Khảo sát chuyên viên BCT và Chính phủ • Đánh giá Kế hoạch hành động của BCT nhằm đối phó với Biến đổi khí hậu • Thực thi chính sách • Công bố luật pháp, quy định và các tiêu chuẩn • Thống kê FDI • Khảo sát doanh nghiệp • Báo cáo của hiệp hội doanh nghiệp, cơ quan truyền thông, và từ các nguồn công và tư khác về FDI, lao động, tiêu chuẩn xã hội và môi trường, công tác	• Theo mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể • Sự sẵn sàng của Chính phủ trong cải thiện môi trường đầu tư, thực thi chính sách xã hội, môi trường (như trong Dự thảo Kế hoạch Phát triển Kinh tế xã hội 2011 – 2015)

	Mục tiêu hoạt động	Chỉ số đánh giá khách quan các kết quả đạt được	Nguồn và phương pháp đánh giá	Giả định và rủi ro
	trợ thực thi cam kết trong lĩnh vực dịch vụ; - Nâng cao năng lực thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm cải thiện môi trường đầu tư quốc gia; - Cải thiện chính sách và khuôn khổ pháp lý đối với hoạt động đầu tư cho các hàng hóa và dịch vụ môi trường; - Hỗ trợ nâng cao năng lực và xây dựng chính sách đầu tư liên quan đến thương mại thân thiện với môi trường.		thực thi SHTT • Báo cáo kết quả và hoạt động của Dự án	
Kết quả Dự án	**4. Tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, quy định và cơ hội thị trường liên quan đến cam kết thương mại và đầu tư quốc tế của Việt Nam; tăng cường sự tham gia của các bên liên quan vào quá trình xây dựng chính sách thương mại và đầu tư; và nâng cao năng lực của doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm đáp ứng các quy định tiếp cận thị trường của Châu Âu.** Các hoạt động bao gồm: - Thiết lập cơ chế hỗ trợ các hiệp hội doanh nghiệp, các hiệp hội người tiêu dùng, các viện nghiên cứu và trường đại học để tăng cường sự tham gia của các tổ chức này trong quá trình xây dựng chính sách thương mại và đầu tư quốc tế. Các hoạt động cụ thể được hỗ trợ bao gồm: a) Nâng cao nhận thức và hiểu biết của hiệp hội doanh nghiệp về các vấn đề thương mại và đầu tư chủ yếu, nâng cao năng lực để tham gia vào tham vấn chính sách quốc gia, cung cấp thông tin và đào tạo cho các ngành xuất khẩu chủ lực về các yêu cầu tiếp cận thị trường EU (VD: an	- Tăng cường năng lực cho các hiệp hội doanh nghiệp, các trường đại học, viện nghiên cứu về chính sách thương mại - Cải thiện việc tiếp cận thông tin của khu vực công và tư về thương mại, đầu tư, quy định, cơ hội thâm nhập thị trường dựa trên cam kết thương mại và đầu tư quốc tế của Việt Nam - Nâng cao nhận thức và hiểu biết của khu vực công và tư về quy chế thương mại, cơ hội tiếp cận thị trường ưu đãi - Tăng cường cơ chế tham vấn giữa Chính phủ, doanh nghiệp, các nhà khoa học và toàn xã hội về thương mại và đầu tư - Nâng cao nhận thức của	• Khảo sát doanh nghiệp, và các bên liên quan • Báo cáo của hiệp hội doanh nghiệp, cơ quan truyền thông, và từ các nguồn công và tư khác • Báo cáo kết quả và hoạt động của Dự án	• Theo mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể • Sự sẵn sàng và khả năng của các nhóm mục tiêu và BCT trong quản lý quy trình tài trợ

	Mục tiêu hoạt động	Chỉ số đánh giá khách quan các kết quả đạt được	Nguồn và phương pháp đánh giá	Giả định và rủi ro
	ninh, môi trường, sức khỏe, an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn bảo vệ người tiêu dùng, chứng minh nguồn gốc…); b) Tăng cường năng lực cho các viện nghiên cứu nhằm hỗ trợ quá trình xây dựng và rà soát chính sách, bao gồm nghiên cứu về FTA, khía cạnh xã hội và môi trường của thương mại, các vấn đề thương mại mới, các dự án nghiên cứu phối hợp với đối tác EU; c) Cho phép các trường đại học, các viện nghiên cứu tham gia nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo về các vấn đề thương mại và đầu tư nêu trong Dự án này; - Xây dựng trang tin điện tử (website), cổng thông tin thương mại (trade portal), điểm hỏi đáp (kết nối với NTR trong Hợp phần 2) cùng với các ấn phẩm, khóa đào tạo (ngắn hạn) nhằm cải thiện khả năng tiếp cận thông tin cho công chúng và khu vực tư nhân về cam kết thương mại quốc tế, các cơ hội và thách thức với doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam. - Các hỗ trợ kỹ thuật, hoạt động đào tạo và công bố thông tin khác liên quan đến nội dung nói trên, nếu cần thiết.	khu vực tư, bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ về các vấn đề tiếp cận thị trường quan trọng		

	Mục tiêu hoạt động	Chỉ số đánh giá khách quan các kết quả đạt được	Nguồn và phương pháp đánh giá	Giả định và rủi ro
Kết quả Dự án	**5. Hỗ trợ đối thoại EU-Việt Nam trong các nội dung kinh tế của Hiệp định đối tác và hợp tác toàn diện (PCA), và dành sự hỗ trợ linh hoạt để giải quyết các vấn đề thương mại quan trọng, cấp thiết** Các hoạt động bao gồm: - Tiến hành đối thoại, hoạt động hợp tác, triển khai nghiên cứu, phân tích tác động… trong một số nội dung kinh tế nhất định thuộc Hiệp định đối tác và hợp tác toàn diện (PCA) giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam, ví dụ như: TBT, SPS, hải quan, thuận lợi hóa thương mại, sở hữu trí tuệ, quy chế kinh tế thị trường, cải cách doanh nghiệp Nhà nước, dịch vụ tài chính, đối thoại kinh tế vĩ mô, chính sách ngành, sản xuất sạch, dịch vụ vận tải, nông lâm ngư nghiệp; - Xây dựng cơ chế cho phép các vấn đề thương mại quan trọng như SPS, TBT, … được giải quyết và đề xuất để Bộ Công Thương và Phái đoàn EU thảo luận; - Các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo khác được thống nhất giữa EU – Việt Nam trong các ủy ban hợp tác liên quan; - - Các hoạt động cụ thể của Hợp phần 5 sẽ được nêu trong kế hoạch công tác hàng năm do Phái đoàn EU phê duyệt và do Ban chỉ đạo dự án xem xét.	- Hỗ trợ đối thoại EU – Việt Nam trong ít nhất 10 chủ đề, tăng cường hiểu biết và năng lực trong một số khu vực kinh tế của PCA - Xây dựng cơ chế giải quyết các vấn đề thương mại (VD: SPS, TBT …)	• Khảo sát chuyên viên BCT và Chính phủ • Khảo sát doanh nghiệp, và các bên liên quan • Báo cáo của hiệp hội doanh nghiệp, cơ quan truyền thông, và từ các nguồn công và tư khác • Báo cáo kết quả và hoạt động của Dự án	• Theo mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể • Các vấn đề thương mại cụ thể tiếp tục được gặt hái, thống nhất cơ chế phân phối phù hợp